TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2023/HNGĐ-ST

Ngày 05-9-2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phi Hùng

Ông Đinh Chí Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị P, sinh năm 1980 (có yêu cầu xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

-*Bị đơn:* Ông Bùi Văn L, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 23/6/2023 bà Trịnh Thị P trình bày:*

Bà P và ông L tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 16/12/2013. Thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có

tiếng nói chung, cuộc sống chung không còn hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà P yêu cầu ly hôn với ông L.

Thời gian chung sống bà P và ông L có 03 người con chung tên Bùi Văn C, sinh năm 1997, Bùi Văn N, sinh năm 1998 và Bùi Văn T, sinh năm 2003. Do con chung đã trưởng thành nên bà P không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung bà P và ông L tự thỏa thuận, nợ chung không có nên bà không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trịnh Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bùi Văn L. Do ông bà chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông L có địa chỉ cư trú ấp 4, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L nhưng ông L vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà P có yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà P theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà P và ông L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 16/12/2013. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà P yêu cầu ly hôn với ông L. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổ chức hòa giải để ông bà có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do ông L vắng mặt khi hòa giải, xét xử

không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho bà Trịnh Thị P và ông Bùi Văn L được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, bà P và ông L có 03 người con chung tên Bùi Văn C, sinh năm 1997, Bùi Văn N, sinh năm 1998 và Bùi Văn T, sinh năm 2003. Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án bà P không yêu giải quyết vì con chung đã trưởng thành là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P xác định thời gian chung sống, bà và ông L có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, nợ chung không có nên bà không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí – Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56, 59, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Bà Trịnh Thị P và ông Bùi Văn L được ly hôn.

2.Về con chung tên Bùi Văn C, sinh năm 1997, Bùi Văn N, sinh năm 1998 và Bùi Văn T, sinh năm 2003 đã trưởng thành nên không xét.

3.Về tài sản chung: Bà Trịnh Thị P và ông Bùi Văn L tự thỏa thuận về tài sản chung nên không xét.

4.Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trịnh Thị P phải nộp 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Vào ngày 23 tháng 6 năm 2023 bà P có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0003729 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

5. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Trần Phi Hùng – Đinh Chí Hiển	**Nguyễn Kiều Trang**